

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động tháng 01, kế hoạch công tác tháng 02 năm 2023

Kính gửi:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Tỉnh ủy Trà Vinh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Tình hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh có một số thuận lợi như nguồn nước ngọt đáp ứng được nhu cầu sản xuất và dân sinh, thời tiết tương đối thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp, các loại bệnh nguy hiểm trên cây trồng và thủy sản nuôi cơ bản được kiểm soát; sản lượng thu hoạch tôm, cá đạt khá, giá tôm sú, tôm thẻ, cá lóc, heo hơi giữ ở mức cao. Tuy nhiên, trong tháng tình hình bệnh Dịch tả heo Châu phi vẫn còn xảy ra chưa khống chế được; giá một số nông sản giảm như: Dừa khô, cá lóc, tôm sú, tôm thẻ đã làm ảnh hưởng đến việc tái sản xuất của người dân, nhưng với sự vượt khó của người dân đã phấn đấu đạt được một số kết quả như sau:

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 Quy định về đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 về việc Phê duyệt Chương trình khuyến nông tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2023-2025.

Tổng hợp báo cáo năm 2022 thực hiện Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của HĐND tỉnh; xây dựng và gửi Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021 – 2025 và Sở Tư pháp thẩm định đã có Báo cáo số 18/BC-TP ngày 13/01/2023 của Sở Tư pháp; xây dựng kế hoạch phòng chống dịch bệnh động vật, thủy sản năm 2023.

Phê duyệt 02 Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô năm 2023

Hoàn chỉnh Báo cáo Tổng kết ngành năm 2022 và giao chỉ tiêu nhiệm vụ năm 2023 cho các đơn vị trực thuộc Sở.

2. Kết quả sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn

a) Trồng trọt và bảo vệ thực vật

- Cây lúa:

+ Vụ Thu Đông: Thu hoạch 27.534 ha lúa, nâng tổng số đến nay thu hoạch 64.580 ha, chiếm 99,87% diện tích xuống giống (*mất trắng 82 ha do mưa lớn gây ngập úng cục bộ trong giai đoạn mạ tại xã Ngũ Lạc và Đôn Xuân, huyện Duyên Hải*), năng suất 4,83 tấn/ha (giảm 0,31 tấn so cùng kỳ), sản lượng 311.782 tấn (thấp hơn cùng kỳ 74.708 tấn).

+ Vụ mùa: Thu hoạch 882 ha, chiếm 61,16% diện tích xuống giống, năng suất trung bình 4,18 tấn/ha, thấp hơn cùng kỳ 0,55 tấn/ha.

+ Vụ Đông Xuân: Xuống giống 36.807 ha, nâng tổng diện tích xuống giống đến nay 57.442 ha, vượt 11,11% kế hoạch (tương đương 5.742 ha), thấp hơn cùng kỳ 5.898 ha. Các giai đoạn sinh trưởng gồm: mạ 16.235 ha, đẻ nhánh 31.975 ha, đòng trổ 9.232 ha. Diện tích nhiễm sâu bệnh 1.013 ha, gồm: Đạo ôn lá 530 ha (tỷ lệ 5 - 10%) ở một số xã của huyện Châu Thành, Tiểu Cần; bộ trĩ 220 ha (mật số 2.000- 3.000 con/m²), ở một số xã của huyện Châu Thành; ốc bươu vàng 215 ha (tỷ lệ 5-10%) ở xã Đôn Xuân, Đôn Châu huyện Duyên Hải; chuột 48 ha (tỷ lệ 2,5-5%) rải rác ở một số của huyện Càng Long.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 5.328 ha màu Đông Xuân 2022-2023, nâng tổng diện tích xuống giống đến nay 9.985 ha, đạt 19% kế hoạch (cao hơn cùng kỳ 398 ha), gồm: Màu lương thực 1.232 ha, màu thực phẩm 6.684 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 2.069 ha.

* Tình hình nhiễm sâu đầu đen trên dứa: Trong tháng không phát hiện thêm diện tích nhiễm sâu đầu đen mới, diện tích nhiễm toàn tỉnh hiện nay là 33,05 ha. Trong đó: Diện tích bị hại nặng 7,2 ha; diện tích bị hại trung bình 12,45 ha; diện tích bị hại nhẹ 11,05 ha (Càng Long 2,35 ha, Tiểu Cần 30,7 ha).

- Xây dựng, theo dõi các điểm dự báo sâu bệnh trên cây lúa và hệ thống bẫy đèn thông minh; tuyên truyền, hướng dẫn nông dân vệ sinh đồng ruộng xuống giống dứt điểm vụ Đông Xuân 2022-2023 theo khung lịch thời vụ tại Thông báo số 556/TB-SNN-BVTV ngày 01/11/2022; tiếp tục tuyên truyền Công văn số 43/SNN-BVTV ngày 10/01/2022 hướng dẫn các giải pháp giảm giá thành trong sản xuất lúa và Công văn số 324/SNN-BVTV ngày 01/3/2022 sử dụng phân bón tiết kiệm, cân đối hiệu quả; phối hợp thực hiện Bản tin thời tiết nông vụ vụ Đông Xuân 2022-2023; thực hiện các thủ tục cấp mã vùng trồng, cơ sở đóng gói trên địa bàn tỉnh; làm việc với Tổng cục Hải quan Trung Quốc và Cục Bảo vệ thực vật kiểm tra trực tuyến cơ sở đóng gói sầu riêng của tỉnh Trà Vinh và vùng trồng sầu riêng của ấp Tân Qui 1, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè.

b) Chăn nuôi, thú y

Dịch tả heo Châu Phi (DTHCP) vẫn còn xảy ra kéo dài từ 2022 sang đến ngày 15/01/2023 dịch bệnh phát sinh tại xã Phong Thạnh, huyện Cầu Kè; số heo

nghi, mắc bệnh 37 con, tổng đàn 37 con, tiêu hủy heo bị bệnh, nghi bệnh, chết 37 con, trọng lượng heo tiêu hủy 1.645 kg, dịch bệnh chưa qua 21 ngày. Ngành đã phối hợp chặt chẽ với địa phương để xử lý dịch bệnh theo đúng qui định.

Vận động tiêm phòng vaccine Cúm gia cầm trên 40 ngàn con, LMLM 75 con bò, Đại chó 369 liều, các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia súc 1,9 ngàn liều và các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia cầm 10,1 ngàn liều.

Kiểm dịch 8.227 con heo; bò 864 con; 168,4 ngàn con gia cầm; 26,9 tấn sản phẩm động vật và kiểm dịch 69,9 triệu con tôm giống (67,4 triệu con tôm thẻ chân trắng và 2,5 triệu con tôm sú giống).

c) Lâm nghiệp

Tổ chức 76 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện và xử lý 01 trường hợp vi phạm (phá rừng trái pháp luật làm thiệt hại 264m² chủng loại Mắm, Đước, rừng trồng năm 1999, thuộc loại rừng sản xuất tại ấp Phước Thiện, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải tỉnh Trà Vinh, ra quyết định xử phạt hành chính với số tiền 5 triệu đồng, buộc trồng lại diện tích rừng bị thiệt hại); cấp 01 mã số cơ sở nuôi cho 01 hộ gây nuôi động vật rừng gồm 14 cá thể Cây vòi hương và 05 bảng kê xuất bán động vật hoang dã.

Xây dựng kế hoạch trồng rừng mới, chăm sóc rừng, giao khoán bảo vệ rừng, kế hoạch cho công tác tuyên truyền pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng năm 2023; thực hiện Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô năm 2023; Thường xuyên tuyên truyền vận động người dân trên địa bàn Huyện và thị xã Duyên Hải, Cầu Ngang sống ven rừng Phi lao sử dụng lửa an toàn.

d) Thủy sản

Thu hoạch 8.783 tấn (sản lượng nuôi 4.787 tấn, sản lượng khai thác 3.996 tấn), đạt 3,59% kế hoạch, tăng 145 tấn so cùng kỳ, cụ thể:

- Nuôi trồng: Thả nuôi 744,8 triệu con tôm và cá giống các loại, diện tích 8.241 ha, thu hoạch 4.787 tấn, đạt 2,66% kế hoạch (tôm sú 27,5 tấn, tôm thẻ chân trắng 653 tấn, cua 49 tấn, cá lóc 2.690 tấn, cá các loại 1.367 tấn), tăng 227,3 tấn so cùng kỳ, trong đó:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 156 triệu con tôm sú giống, diện tích 3.699 ha; 559,7 triệu con tôm thẻ chân trắng (thâm canh mật độ cao 283,5 triệu con, diện tích 125 ha), diện tích 515,7 ha; cua biển 21,2 triệu con giống, diện tích 3.933 ha. Tuy nhiên thời tiết lạnh tạo điều kiện thuận lợi cho mầm bệnh phát triển gây thiệt hại 1,6 triệu con tôm sú (chiếm 1,0% lượng con giống thả nuôi), diện tích 11 ha và 7,7 triệu con tôm thẻ (chiếm 1,0% lượng con giống thả nuôi), diện tích 18 ha tôm chết chủ yếu ở giai đoạn từ 15 - 30 ngày tuổi, do bệnh đốm trắng, đỏ thân.

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 7,89 triệu con cá giống các loại với diện tích 93,5 ha.

- Khai thác: Toàn tỉnh 1.034 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 155.465 CV, tăng 2.070 CV (266 tàu có chiều dài từ 15 m trở lên); sản lượng khai thác 3.996 tấn (542 tấn tôm), đạt 6,2% kế hoạch, giảm 83 tấn so cùng kỳ; trong đó,

khai thác nội đồng 459 tấn (73 tấn tôm), khai thác hải sản 3.537 tấn (469 tấn tôm).

- Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 131,5 tấn tôm (tôm sú 21,8 tấn, tôm thẻ 109,6 tấn), chế biến 92 tấn, tiêu thụ 90,6 tấn, kim ngạch xuất khẩu 1,22 triệu USD.

e) Phát triển nông thôn

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

- Trong tháng 1, các huyện, thị xã, thành phố không tổ chức công nhận ấp văn hóa, ấp nông thôn mới, gia đình văn hóa, nông thôn mới và hộ nông thôn mới. Năm 2022 chuyển sang đến nay toàn tỉnh có 218.997 hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa, nông thôn mới, chiếm 95,46% số hộ phát động; 632 ấp đạt chuẩn ấp văn hóa, ấp nông thôn mới, chiếm 98,6%, (trong đó, có 53 ấp nông thôn mới kiểu mẫu, chiếm 8,39%.)

- Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí:

+ *Huyện Nông thôn mới*: Tổng số có 06 đơn vị cấp huyện (Tiểu Cần, Cầu Kè, Càng Long, Châu Thành, thị xã Duyên Hải và thành phố Trà Vinh) được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Riêng 02 huyện Cầu Ngang và Duyên Hải đạt 09/09 tiêu chí huyện NTM và có 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới. Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức thẩm tra kết quả xây dựng huyện NTM, hiện nay, đang tổ chức lấy ý kiến, xác nhận đạt chuẩn của các sở, ngành phụ trách tiêu chí và hoàn thành hồ sơ trình Trung ương thẩm định. Dự kiến đầu năm 2023 mời Đoàn công tác Trung ương thẩm định huyện đạt chuẩn NTM, trình công nhận huyện đạt chuẩn NTM.

+ *Xã nông thôn mới*: Đến nay có 82/85 xã đạt 19/19 tiêu chí (72/85 xã có Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh), chiếm 96,47% số xã có quyết định công nhận; còn lại 03 xã Ngãi Xuyên, Kim Sơn, Hàm Giang huyện Trà Cú, địa phương tiếp tục hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận.

+ *Xã nông thôn mới nâng cao*: Hiện có 27 xã được UBND tỉnh quyết định công nhận xã nông thôn mới nâng cao (Long Đức, TP. Trà Vinh; xã Tân Hùng, Phú Cần, Tân Hòa, Hùng Hòa, Long Thới, Hiếu Tử huyện Tiểu Cần; xã Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam, Hiệp Mỹ Đông huyện Cầu Ngang; xã Thạnh Phú, Ninh Thới, Phong Phú, Tam Ngãi, Thông Hòa, An Phú Tân, huyện Cầu Kè; xã Long Vĩnh, Đông Hải huyện Duyên Hải; xã An Trường, Nhị Long Phú, Đức Mỹ, Đại Phước, Tân Bình huyện Càng Long; Ngọc Biên, Đại An huyện Trà Cú; xã Dân Thành, Long Toàn được Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định công nhận đạt chuẩn xã NTM nâng cao).

Chương trình giảm nghèo và Chương trình OCOP:

- Triển khai, hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy

định chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Chương trình OCOP: Phối hợp với đại diện Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Trà Vinh xây dựng phóng sự các sản phẩm Chương trình OCOP; rà soát, đăng ký danh mục sản phẩm tham gia Chương trình OCOP năm 2023 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Kinh tế hợp tác: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 126 HTX nông nghiệp và 01 liên hiệp HTX. Hiện tại trên địa bàn tỉnh có 1.596 THT nông nghiệp với 29.727 tổ viên (bình quân có khoảng 18,6 thành viên/tổ); Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 132 trang trại nông nghiệp (Trong đó: 16 trang trại chăn nuôi; 114 trang trại thủy sản; 02 trang trại tổng hợp); tổng hợp báo cáo trình UBND tỉnh về việc lấy ý kiến các địa phương về sửa đổi bổ sung Nghị quyết số 78/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh; triển khai Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 27/8/2022 của UBND tỉnh về địa bàn được hỗ trợ phí BHNN đến các huyện, thị xã, thành phố.

Bố trí dân cư: Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tiến độ tham mưu thực hiện Chương trình Bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ và đề xuất xử lý vướng mắc trong Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình bố trí dân cư đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Trong tháng lắp đặt 1.977 hộ. Đến nay đã cung cấp cho 168.092 hộ sử dụng nước máy.

3. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành:

a) Công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai

Công tác thủy lợi nội đồng: Đôn đốc địa phương triển khai thi công thủy lợi nội đồng năm 2023.

Phối hợp với Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi kiểm tra, vận hành cống tích trữ nước ở những nơi có điều kiện, ngăn triều cường phục vụ sản xuất lúa vụ Thu Đông - Mùa và Đông Xuân.

- Kiểm tra đê điều: Tổ chức 19 đợt kiểm tra, phát hiện 04 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê điều, tuyển đê Hồ Tàu Đông Hải (01 trường hợp), tuyển đê Hồ Tàu Ông Năm (01 trường hợp); Kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển ấp Cồn Trứng, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (02 trường hợp); các trường hợp vi phạm chủ yếu xây dựng nhà. Đã phối hợp với địa phương xử lý theo đúng qui định.

Tham gia nghiệm thu hoàn thành, đưa vào sử dụng 09 công trình: Tôn cao sân cống Láng Thê; Nạo vét 05 kênh cấp II, xã Hiếu Từ, Long Thới, Ngãi Hùng, Tân Hòa và Song Lộc; Sửa chữa cửa, thay khung cửa số 1, 4, 5 và tời cống Vinh Kim; Thay cầu trục cống Láng Thê và Cái Hóp và công trình sơn, sửa cửa cống cấp II: 5 Hữu, 10 Y, Tân Định 1 và Rạch Bung; Nạo vét 03 kênh cấp II, xã Phước Hảo; Nạo vét 02 kênh cấp II, xã Mỹ Chánh; Nạo vét 07 kênh cấp II, xã Lương Hòa A; Thay mới cửa cống Ngãi Hiệp và Rạch Kinh; Nạo vét 04 kênh cấp II, xã Tập Ngãi, Tân Hùng.

- Do ảnh hưởng của triều cường cuối năm 2022, kết hợp gió mùa Đông Bắc tạo sóng to đã gây sụp lún và sạt lở nhiều nơi trên địa bàn thị xã Duyên Hải và huyện Duyên Hải, cụ thể như sau:

+ Sụp lún và sạt lở trên địa bàn thị xã Duyên Hải: Sụp lún 02 vị trí mái kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải với diện tích 41m² (ngang 4 -5 m, lún sâu từ 10-20 cm); Sạt lở bờ biển ấp Chợ, xã Hiệp Thạnh thị xã Duyên Hải với diện tích 2,3 ha (chiều dài 354 m và sâu vào đất liền 65 m); Sạt lở biển xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải 02 vị trí với chiều dài sạt lở 300 m, sạt lở ăn sâu vào bờ từ 5-10 m.

+ Bờ biển xã Đông Hải, huyện Duyên Hải: Triều cường dâng cao, nước tràn bờ với chiều dài khoảng 1.200 m tại ấp Đông Thành đến ấp Hồ Thùng, xã Đông Hải, gây ngập, ảnh hưởng nhà ở của 12 hộ dân và thiệt hại hoa màu với diện tích khoảng 4 ha trong khu vực ven biển.

b) Công tác xây dựng cơ bản: Tiếp tục theo dõi, triển khai thực hiện 14 dự án, gồm: 01 công trình phục vụ nuôi thủy sản, 06 công trình đê kè, 03 công trình lâm nghiệp; 02 công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp và hoàn thành và đưa vào sử dụng 02 công trình (Đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản xã Long Vĩnh - Long Hữu, huyện Duyên Hải và Trạm bơm kênh 3 tháng 2). Ước giải ngân đến 17/01/2023 là 262,49 tỷ đồng, đạt 95,97% kế hoạch vốn phân bổ vốn 2022 chuyển sang.

c) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm (ATTP), quản lý tàu cá, cảng cá và thanh tra, kiểm tra

- Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, ATTP: Thẩm định điều kiện bảo đảm ATTP 07 cơ sở đạt loại B; cấp 03 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (01 Giấy mới, 02 Giấy cấp lại). Thực hiện lấy mẫu Chương trình giám sát, vệ sinh an toàn thực phẩm trong thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ: 03 mẫu (02 mẫu nước, 01 mẫu nghêu (04kg)); *Giám sát ATTP theo Thông tư 08/2016/TT-BNNPTNT*: 10 mẫu (02 mẫu chả lụa, 03 mẫu thịt bò, 01 mẫu bò viên, 04 mẫu cá khô), chưa có kết quả.

- Quản lý tàu cá, cảng cá: Tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 444 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 403 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng, dịch vụ cảng với số tiền 40,5 triệu đồng. Kết hợp Bộ đội Biên phòng tỉnh và địa phương đảm bảo an ninh trật tự khu vực Cảng cá Láng Chim và Cảng cá Định An; chuẩn bị tốt nhất các điều kiện, sẵn sàng hỗ trợ ngư dân đưa tàu về nơi neo đậu an toàn khi xảy ra mưa bão; hướng dẫn 237 tàu được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá, đạt 100% số tàu khai thác xa bờ (còn hoạt động).

- Công tác thanh tra, kiểm tra: Tổ chức 01 đợt thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vật tư nông nghiệp đối với 42 cơ sở kinh doanh phân bón và thuốc BVTV, phương tiện tàu cá, An toàn thực phẩm, tuần tra kiểm tra rừng; phát hiện và xử lý 10 trường hợp theo quy định.

d) Công tác khuyến nông và công tác giống

Công tác khuyến nông: Tổ chức 03 cuộc tổng kết mô hình Nâng cao chất lượng đàn bò thịt bằng phương pháp GTNT sử dụng giống bò chuyên thịt

năng suất cao Inra'95, Blonde d'Aquitaine, trên địa bàn xã Tân Hiệp - huyện Trà Cú, xã Mỹ Long Bắc- huyện Cầu Ngang, xã Hiếu Tử - huyện Tiểu Cần; 01 phóng sự về nội dung “nuôi ốc bươu đen thương phẩm” tại ấp 1 xã Phong Thạnh huyện Cầu Kè; tiếp tục phối hợp với địa phương thực hiện 05 mô hình trình diễn: Mô hình: trồng táo trong nhà lưới sử dụng hệ thống tưới nước tiết kiệm thích ứng với biến đổi khí hậu; trồng măng cầu xiêm sử dụng gốc ghép chống chịu hạn, mặn thích ứng với biến đổi khí hậu; trồng măng cầu ta (na) Thái sử dụng hệ thống tưới nước tiết kiệm; trồng vú sữa Mica sử dụng hệ thống tưới nước tiết kiệm; trồng cây chà là sử dụng hệ thống tưới tiết kiệm thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Công tác giống:

+ Giống cây trồng: Sản xuất giống lúa OM 18 vụ Đông xuân năm 2022-2023 với diện tích 7,2 ha (lúa 25-35 ngày tuổi); Chăm sóc cây cam sành gốc ghép vô bầu, cây cam sành không hạt S₁, cây S₀ quýt đường được trồng trong nhà lưới cây phát triển tốt; Ươm dứa giống 1.000 trái và chiết 510 nhánh chanh.

+ Giống thủy sản: Thu hoạch 4,21 tấn tôm thẻ hiện đã thả 300 ngàn con giống tôm thẻ chân trắng và ương 01 triệu ấu trùng tôm càng xanh toàn đực được 32 ngày tuổi.

III. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC THÁNG 02 NĂM 2023

1. Chỉ đạo sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn

a) Trồng trọt và bảo vệ thực vật

Kết hợp địa phương tuyên truyền, hướng dẫn nông dân chăm sóc tốt vụ lúa Đông xuân đã xuống giống, thường xuyên thăm đồng, kịp thời phát hiện sâu bệnh để phòng trị; khuyến cáo nông dân chủ động tích trữ nước phục vụ sản xuất, kiểm tra độ mặn trước khi bơm nước vào đồng ruộng; kết hợp Công ty TNHH MTV quản lý khai thác công trình thủy lợi vận hành công, điều tiết nước phục vụ sản xuất và dân sinh. Tiếp tục khuyến cáo nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa và chuyển đổi diện tích đất trồng lúa sang các loại cây trồng khác theo Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 23/4/2021; khuyến cáo nông dân đưa cây màu xuống chân ruộng ở những nơi không đủ điều kiện xuống giống lúa Đông xuân, khuyến khích sản xuất theo hướng hữu cơ, an toàn; hỗ trợ các HTX xây dựng dự án liên kết sản xuất, đồng thời tiếp tục mời gọi các công ty, doanh nghiệp tham gia liên kết, tiêu thụ sản phẩm trên các loại cây trồng.

b) Chăn nuôi và thú y

Phối hợp với các huyện, thị xã, thành phố tăng cường kiểm tra giám sát, bệnh Dịch tả heo Châu Phi; tuyên truyền vận động người chăn nuôi tăng cường tiêm phòng các loại vaccine trên đàn gia súc, gia cầm để bảo vệ đàn vật nuôi trong thời điểm giao mùa; tăng cường hoạt động của các chốt kiểm dịch trên các tuyến giao thông chính để hạn chế các loại dịch bệnh nguy hiểm trên động vật, sản phẩm động vật xuất, nhập tỉnh; phối hợp với Đoàn Kiểm tra liên ngành tăng cường kiểm tra các phương tiện vận chuyển, các lò giết mổ, các cơ sở mua bán sản phẩm động vật xuất, nhập tỉnh chuẩn bị phục vụ Tết Nguyên đán Quý Mão 2023.

Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về công tác giống, quản lý chặt chẽ các cơ sở kinh doanh thức ăn, thuốc thú y và dịch vụ thú y, kịp thời ngăn chặn và hạn chế tình trạng lạm dụng thuốc kháng sinh, sử dụng kháng sinh cấm và các chất tăng trọng để tạo ra sản phẩm an toàn.

c) Thủy sản

Tuyên truyền vận động các chủ tàu cá tuân thủ Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Thủy sản theo đúng quy định; khuyến cáo người nuôi cải tạo ao, hồ đúng quy trình kỹ thuật, chọn giống có chất lượng qua kiểm dịch để hạn chế rủi ro do bệnh khi nuôi; tiếp tục tuyên truyền phổ biến đến người nuôi việc thực hiện đăng ký nuôi các đối tượng thủy sản chủ lực làm cơ sở cấp mã vùng nuôi, triển khai thực hiện các giải pháp ứng phó với dịch bệnh, hạn mặn trong nuôi trồng thủy sản năm 2023; tiếp tục hướng dẫn các cơ sở sản xuất giống thủy sản trên địa bàn tỉnh thực hiện đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh; thực hiện tốt quan trắc, cảnh báo môi trường trên các tuyến sông đầu nguồn và thông báo kết quả trên Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh để người dân nắm chủ động trong việc lấy nước phục vụ nuôi thủy sản.

d) Lâm nghiệp

Triển khai công tác trồng, chăm sóc, bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2023 theo kế hoạch; hoàn chỉnh kế hoạch cho công tác tuyên truyền pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng và kế hoạch Chương trình Lâm nghiệp bền vững năm 2023; thẩm định và phê duyệt dự toán phòng cháy, chữa cháy rừng phi lao mùa khô năm 2023.

Tiếp tục tổ chức tuyên truyền Luật lâm nghiệp và các văn bản liên quan; tăng cường công tác tuần tra, quản lý bảo vệ rừng; kiểm tra các cơ sở sản xuất giống, gây nuôi động vật hoang dã, các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh mua bán lâm sản chấp hành các quy định của pháp luật.

e) Phát triển nông thôn

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

Tham mưu BCĐ tỉnh ban hành Chương trình công tác năm 2023 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh; tham mưu, đề xuất nhu cầu vốn NTM năm 2023; Tham mưu kế hoạch năm 2023 thực hiện Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 – 2025, Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

Tổ chức thẩm định, hoàn thiện hồ sơ huyện NTM trình Trung ương xem xét, Mời Đoàn công tác Trung ương vào kiểm tra thực tế kết quả xây dựng huyện NTM đối với huyện Cầu Ngang và huyện Duyên Hải.

Xây dựng văn bản gửi các huyện, thị xã, thành phố về việc đăng ký mô hình du lịch thuộc Chương trình phát triển du lịch nông thôn năm 2023 sau đó tổng hợp và xây dựng kế hoạch tham mưu trình UBND tỉnh.

Tiếp tục thu hồi nguồn vốn Dự án HTPTSX và đa dạng hóa sinh kế tại các xã ngoài CT 30a và CT 135 trên địa bàn xã Hiệp Mỹ Tây, huyện Cầu Ngang; xã Mỹ Long Bắc, huyện Cầu Ngang.

Chương trình OCOP: Hoàn chỉnh hồ sơ về việc đề nghị đánh giá, phân hạng, công nhận sản phẩm OCOP cấp quốc gia (*Tôm thẻ tím bột dứa đông lạnh; Tôm thẻ đông lạnh ASC chân, xiên que tím gia vị garlic chilli của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long và sản phẩm Bánh tráng IMEX TRAVINH của Công ty Lương thực Trà Vinh*) trình Ủy ban nhân dân tỉnh gửi hồ sơ đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương.

Kinh tế hợp tác: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 126 HTX nông nghiệp và 01 liên hiệp HTX.

Bố trí dân cư: Phối hợp với các sở, ngành, UBND huyện Trà Cú triển khai Dự án di dân khẩn cấp khu vực sạt lở nguy hiểm xã Định An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Duy trì hoạt động cấp nước tại 119 trạm cấp nước do ngành quản lý và tiếp tục lắp đặt đồng hồ nước mới cho người dân.

2. Công tác chuyên môn

Triển khai các lớp tập huấn về trồng trọt, chăn nuôi và nuôi thủy sản thuộc các nguồn vốn sự nghiệp và nguồn vốn kết hợp năm 2023, đồng thời phân công viên chức kỹ thuật tư vấn trực tiếp cho hộ dân sản xuất nông nghiệp và doanh nghiệp chăn nuôi; tiếp tục thực hiện dự án đang triển khai thực hiện thuộc nguồn vốn sự nghiệp và các chương trình kết hợp.

Kết hợp Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi vận hành công tích trữ nước ngọt, ngăn triều cường phục vụ tốt cho sản xuất và dân sinh; thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết, thiên tai trên địa bàn tỉnh, tổ chức trực ban theo quy định, đề xuất tham mưu xử lý kịp thời khi có tình huống xảy ra; đôn đốc các địa phương đẩy nhanh tiến độ nạo vét thủy lợi nội đồng năm 2023.

Thực hiện Chương trình giám sát, vệ sinh an toàn thực phẩm trong thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ và Chương trình giám sát dư lượng chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi trên địa bàn tỉnh; tổ chức lấy mẫu giám sát ATTP tháng 02 năm 2023; tổ chức thanh tra, kiểm tra chuyên ngành ATTP trên địa bàn tỉnh, đồng thời thu mẫu kiểm nghiệm các chỉ tiêu chất lượng và ATTP; phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra liên ngành về ATTP Tết Nguyên đán Quý Mão và mùa Lễ hội Xuân 2023; thẩm định định kỳ và cấp giấy đủ điều kiện ATTP các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục sản xuất, điều tiết và cung ứng giống cây trồng, giống thủy sản đảm bảo chất lượng cung ứng cho nông dân trên địa bàn tỉnh.

Quản lý tốt tàu thuyền và xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

Triển khai thanh tra trách nhiệm theo kế hoạch năm 2023; tổ chức các cuộc thanh, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm và vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất trên địa bàn tỉnh.


Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình xây dựng cơ bản và giải ngân vốn theo khối lượng thực hiện.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động công tác tháng 01 và kế hoạch công tác tháng 02 năm 2023 của ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT, Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh nắm, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VP.

KT. GIÁM ĐỐC *Ami*
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Văn Dũng

**BÁO CÁO SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN
THÁNG 01 NĂM 2023**

(Ước tính đến ngày 15/01/2023)



Mã số	Chi tiêu	ĐVT	UTH cùng kỳ	Năm 2023			% so sánh với	
				Kế hoạch	UTH tháng 01	Ước TH 01 tháng	Cùng kỳ	Kế hoạch
A	TRỒNG TRỌT							
1.	Cây lúa							
	Diện tích gieo sạ	ha	64.430	187.700	36.807	58.884		
	Diện tích thu hoạch	Ha	542	187.700	-	-		
	Sản lượng	tấn	2.568	1.065.150	-	3.690	143,69	0,35
a	Vụ Thu đông 2022							
	- DT gieo sạ	ha	75.163	73.500		64.662	86,03	87,98
	- Diện tích thu hoạch	Ha	75.163	73.500	27.534	64.580	85,92	87,86
	- Năng suất	Tạ/ha	51,42	53,00	45,50	48,28	93,89	91,09
	- Sản lượng	tấn	386.490,0	389.550	125.295	311.782	80,67	80,04
b	Lúa mùa 2022-2023							
	- DT gieo sạ	ha	1.090			1.442	132,35	
	- Diện tích thu hoạch	Ha	542			882	162,73	
	- Năng suất	Tạ/ha	47,38			41,84	88,30	
	- Sản lượng	tấn	2.568			3.690	143,69	
c	Vụ Đông Xuân 2022-2023							
	- Diện tích xuống giống	Ha	63.340	51.700	36.807	57.442	90,69	111,11
	- Diện tích thu hoạch	Ha		51.700				
	- Năng suất	Tạ/ha		67,00				
	- Sản lượng	tấn		346.390				
d	Vụ Hè Thu							
	- Diện tích xuống giống	Ha		68.000				
	- Diện tích thu hoạch	Ha		68.000				
	- Năng suất	Tạ/ha		52,50				
	- Sản lượng	tấn		357.000				
e	Vụ Thu Đông							
	- Diện tích xuống giống	Ha		68.000				
	- Diện tích thu hoạch	Ha		68.000				
	- Năng suất	Tạ/ha		53,20				
	- Sản lượng	tấn		361.760				
2.	Cây màu							
	Diện tích gieo trồng	Ha	9.587	52.585	5.328	9.985	104,15	18,99
	Diện tích thu hoạch	Ha	1.398	52.585	1.570	1.570	112,29	2,98
	Sản lượng thu hoạch	tấn	29.827	1.399.152	33.471	33.471	112,22	2,39
a	Màu lương thực	Ha	1.171	5.970	740	1.232	105,29	20,64
	Cây bắp							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	865,10	3.700	588	962,8	111,29	26,02
	- Diện tích thu hoạch	"	103,17	3.700	112	112	108,87	3,04
	- Năng suất	Tạ/ha	52,30	55,50	53,70	53,70	102,68	96,76
	- Sản lượng	Tấn	540	20.535	603	603	111,78	2,94
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	129,10	1.300	68,1	113,64	88,02	8,74
	+ Diện tích thu hoạch	"		1.300				
	+ Năng suất	Tạ/ha		168,90				
	+ Sản lượng	Tấn		21.957				

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	UTH cùng kỳ	Năm 2023			% so sánh với	
				Kế hoạch	UTH tháng 01	Ước TH 01 tháng	Cùng kỳ	Kế hoạch
	Khoai mì							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	99,30	570	52	87,8	88,42	15,40
	+ Diện tích thu hoạch	"		570				
	+ Năng suất	Tạ/ha		192,11				
	+ Sản lượng	Tấn		10.950				
	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	77,00	400	32,0	68,2	88,57	17,05
	+ Diện tích thu hoạch	"		400				
	+ Năng suất	Tạ/ha		174,38				
	+ Sản lượng	Tấn		6.975				
b	Cây thực phẩm	Ha	6.264	32.575	3.473	6.684	106,71	20,52
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	6.210,59	32.100	3.448,9	6.635,3	106,84	20,67
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.286,7	32.100	1.452	1.452	112,84	4,52
	+ Năng suất	Tạ/ha	227,50	226,10	226,30	226,30	99,47	100,09
	+ Sản lượng	Tấn	29.273	725.781	32.859	32.859	112,25	4,53
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	53,30	475	23,70	48,8	91,56	10,27
	+ Diện tích thu hoạch	"	7,80	475	5,2	5,2	66,67	1,09
	+ Năng suất	Tạ/ha	17,79	21,05	17,89	17,89	100,56	84,98
	+ Sản lượng	Tấn	14	1.000	9,30	9,30	67,04	0,93
c	Cây công nghiệp hàng năm		2.153	14.040	1.115	2.069	96,08	14,73
	Đậu phộng							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.242,90	4.420	666,9	1.180,3	94,96	26,70
	+ Diện tích thu hoạch	"		4.420				
	+ Năng suất	Tạ/ha		52,40				
	+ Sản lượng	Tấn		23.161				
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	27,10	1.300	16,4	26,1	96,31	2,01
	+ Diện tích thu hoạch	"		1.300				
	+ Năng suất	Tạ/ha		978,20				
	+ Sản lượng	Tấn		127.166				
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	257,20	2.570	133,0	249,0	96,81	9,69
	+ Diện tích thu hoạch	"		2.570				
	+ Năng suất	Tạ/ha		118,20				
	+ Sản lượng	Tấn		30.377				
	Cây trồng khác							
	+ Diện tích gieo trồng	ha	625,70	5.750	298,7	613,1	97,99	10,66
	+ Diện tích thu hoạch	ha		5.750				
	+ Sản lượng	Tấn		431.250				
B	LÂM NGHIỆP							
	- DT rừng trồng tập trung	Ha		50				
	- Chăm sóc rừng	Ha		116				
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha		3.490				
C	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	8.248	52.100	8.248	8.248	100	15,83
1.1	Nuôi nước ngọt	"	131	3.500	101	101	77	2,89
	- Diện tích nuôi cá	"	98	2.000	76	76	78	3,81
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	3	50	2	2	64	3,50

Mã số	Chỉ tiêu	ĐVT	UTH cùng kỳ	Năm 2023			% so sánh với	
				Kế hoạch	UTH tháng 01	Ước TH 01 tháng	Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Cá lồng		27	480	6	6	23	1,31
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	33	1.500	25	25		1,67
	Trong đó: tôm càng xanh	"	33	1.500	25	25		1,67
	- Diện tích nuôi khác	"						
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	8.117	48.600	8.147	8.147	100	16,76
	- Diện tích nuôi cá							
	Trong đó: + cá giò, cá song	"						
	+ ...							
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	8.117	47.800	8.147	8.147	100	17,04
	Trong đó: + Tôm sú	"	3.541	19.500	3.699	3.699	104	18,97
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	761	8.300	516	516	68	6,21
	+ Cua biển	"	3.815	20.000	3.933	3.933	103	19,66
	- Diện tích nuôi khác (nghêu - sò huyết)	"		800	-	-		-
2.	Thể tích nuôi lồng, bè	m ³						
	- Nuôi cá	"						
	- Nuôi giáp xác	"						
	- Nuôi nhuyễn thể	"						
3.	Sản lượng con giống sản xuất	Triệu con						
	- Cá giống	"						
	- Tôm giống	"						
	- Nhuyễn thể giống	"						
4	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	8.638	244.550	8.783	8.783	102	3,59
4.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	4.559,7	180.200	4.787	4.787	105	2,66
4.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	3.722	82.200	3.966	3.966	107	4,83
	- Sản lượng cá	"	3.545	80.000	3.846	3.846	108	4,81
	Trong đó: + Cá tra	"	23	7.000	63	63		0,90
	+ Cá lóc	"	2.301	55.500	2.690	2.690	117	4,85
	- Sản lượng giáp xác	"	176	2.200	121	121	68	5,49
	Trong đó: tôm càng xanh	"	176	2.200	121	121	68	5,49
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
4.1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	838	98.000	820	820	98	0,84
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	Trong đó: Cá giò, cá song	"						
	...							
	- Sản lượng tôm nuôi	"	755	95.000	729	729	97	0,77
	Trong đó: + Tôm sú	"	50	13.300	28	28	55	0,21
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	624	75.500	653	653	105	0,86
	+ Nuôi cua biển	"	81	6.200	49	49	60	0,78
	- Sản lượng thủy sản khác (nghêu - sò huyết)	"	83	3.000	91	91	110	3,04
4.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	4.079	64.350	3.996	3.996	98	6,21
4.2.1	Khai thác biển	Tấn	3.616	57.500	3.537	3.537	98	6,15
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	2.062	29.500	1.985	1.985	96	6,73
	Trong đó: - Loài	"	-					
	- ...	"	-					
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	478	5.500	469	469	98	8,53
	Trong đó: - Tôm...	"	-					
	+ SL hải sản khác khai thác	"	1.076	22.500	1.083	1.083	101	4,81

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	UTH cùng kỳ	Năm 2023			% so sánh với	
				Kế hoạch	UTH tháng 01	Ước TH 01 tháng	Cùng kỳ	Kế hoạch
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	463	6.850	459	459	99	6,70
	Trong đó: - Cá các loại		138	1.800	133	133	96	7,37
	- Tôm các loại		76	550	73	73	96	13,18
	- Thủy sản khác		250	4.500	254	254	102	5,64
	* Tình hình thiệt hại tôm sú							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	2.445		2.741	2.741	112	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	41		29	29	71	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	3.541		3.699	3.699	104	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	19		11	11	56	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	174		156	156	89	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	3		2	2	50	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	2		1	1	56	
	* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	2.044		1.319	1.319	65	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	9		58	58	644	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	761		516	516	68	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	2		18	18	778	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	615		560	560	91	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	3		8	8	242	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	1		1	1	266	